

Kết quả review nửa cuối năm 2024 – giỏ chỉ số VN30 không thay đổi

Võ Thị Nhật Minh
Trưởng phòng, Phân tích thị trường
minh.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 365

- Vào ngày 15/7/2024, HSX công bố kết quả review bán niên chỉ số VN30 nửa cuối năm 2024, thay đổi sẽ có hiệu lực từ ngày 5/8/2024. Không có cổ phiếu nào bị loại ra hoặc thêm vào trong đợt review này. Kết quả này sát với dự báo của HSC.
- Trong đợt tái cơ cấu danh mục này (thời hạn hoàn tất tái cơ cấu danh mục là ngày 2/8/2024), các quỹ DCVFN30 ETF, SSIAM VN30 ETF, MAFM VN30 ETF và KIM Growth VN30 ETF sẽ mua bán những cổ phiếu hiện tại trong giỏ chỉ số để tái cơ cấu danh mục. Cổ phiếu FPT sẽ được bán ra nhiều nhất trong khi TCB, VPB, và SSB sẽ được mua vào đáng kể.

Cổ phiếu thành phần trong giỏ chỉ số VN30 được giữ nguyên

Không có cổ phiếu nào bị loại ra hoặc thêm vào trong đợt review nửa cuối năm 2024 do tất cả các cổ phiếu hiện tại trong giỏ chỉ số đều đáp ứng đầy đủ các tiêu chí như vốn hóa thị trường, thanh khoản, tỷ lệ free-float để được giữ lại giỏ chỉ số.

Vốn hóa thị trường bình quân của 30 cổ phiếu trong giỏ chỉ số hiện dao động trong khoảng 28.218 - 497.571 tỷ đồng với tỷ suất vòng quay hơn 0,05%, khối lượng giao dịch khớp lệnh hơn 100.000cp/ngày và giá trị giao dịch khớp lệnh hơn 10 tỷ đồng/ngày.

DGC, NVL, PNJ và 2 cổ phiếu ngân hàng là những cổ phiếu dự phòng

Các cổ phiếu dự phòng bao gồm LPB, DGC, EIB, NVL và PNJ. EIB, NVL và PNJ đã từng là cổ phiếu thành phần của giỏ chỉ số VN30 và bị loại ra trong các đợt review gần đây trong khi LPB và DGC là hai ứng cử viên mới.

Cổ phiếu dự phòng có thể được thêm vào giỏ chỉ số VN30 trong trường hợp cổ phiếu trong giỏ chỉ số bị kiểm soát, bị tạm ngừng giao dịch hoặc có free-float dưới 10% và vốn hóa free-float dưới 2.000 tỷ đồng.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 16/7.

Bảng 1: Công bố kết quả review bán niên 6 tháng cuối năm 2024 của chỉ số VN30

Kết quả review bán niên chỉ số VN30	
Cổ phiếu được thêm vào	Không có
Cổ phiếu bị loại ra	Không có
5 cổ phiếu dự phòng	LPB, DGC, EIB, NVL, PNJ
Ngày tái cơ cấu của các quỹ ETF	2-8-24
Ngày có hiệu lực	5-8-24

Nguồn: HSX, HSC

Bảng 2: Các tiêu chí của chỉ số VN30

Tiêu chí	Cổ phiếu mới (bao gồm)	Cổ phiếu hiện hành (không bao gồm)
Tình trạng	Không trong diện bị cảnh báo	Không trong diện bị cảnh báo
Thời gian niêm yết	6 tháng niêm yết trên HSX	
	3 tháng niêm yết trên HSX trong top 5 cổ phiếu có vốn hóa lớn nhất	
Free float	$\geq 10\%$	$\geq 10\%$
	$< 10\% \& \text{Vốn hóa free float} > 2.500 \text{ tỷ đồng}$	$< 10\% \& \text{Vốn hóa free float} > 2.000 \text{ tỷ đồng}$
Tỷ suất quay vòng	$\geq 0.05\%$	$\geq 0.04\%$
GTGD khớp lệnh	$\geq 10 \text{ tỷ đồng}$	$\geq 9 \text{ tỷ đồng}$
Vốn hóa	Ưu tiên vốn hóa lớn	Ưu tiên vốn hóa lớn
Kỳ tái cơ cấu	Bán niên (tháng 2, tháng 7)	

Nguồn: HSX, HSC

Kết quả review chỉ số VN30 – tháng 7/2024

HSX công bố kết quả review bán niên chỉ số VN30 (tháng 7/2024) với không cổ phiếu nào được thêm vào hoặc loại ra, sát với dự báo của HSC. Ngày tái cơ cấu và ngày có hiệu lực lần lượt là ngày 2/8 và 5/8/2024.

Giỏ chỉ số VN30 được giữ nguyên

Trong đợt review nửa cuối năm 2024, không có sự thay đổi nào về cổ phiếu thành phần trong giỏ chỉ số VN30 do tất cả các cổ phiếu đều đáp ứng đầy đủ tiêu chí để được giữ lại và không có cổ phiếu nào đáp ứng đầy đủ tiêu chí để được thêm vào.

Do đó, trong đợt review này, tỷ trọng của từng cổ phiếu trong giỏ chỉ số VN30 được cập nhật sau khi các tiêu chí về số lượng cổ phiếu đang lưu hành, tỷ lệ free-float và hệ số giới hạn tỷ trọng vốn hóa được cập nhật.

Dựa trên kết quả này, HSC dự báo top 5 cổ phiếu có tỷ trọng lớn nhất trong giỏ chỉ số VN30 sẽ là FPT (9,6%), TCB (7,9%), HPG (7,7%), ACB (7,4%), và VPB (6,8%) – đóng góp tổng cộng 39,6% tổng tỷ trọng giỏ chỉ số.

Ngành ngân hàng, bao gồm 13 ngân hàng – TCB, VPB, MBB, VCB, STB, HDB, CTG, TPB, BID, VIB, ACB, SHB và SSB – đóng góp khoảng 51,4% tổng tỷ trọng giỏ chỉ số VN30.

Tổng giá trị vốn hóa thị trường hiện tại của giỏ chỉ số VN30 chiếm khoảng 70% tổng giá trị vốn hóa thị trường của sàn HSX.

Ước tính mua bán từ các quỹ ETF sử dụng chỉ số VN30 làm cơ sở

Các quỹ DCVFMVN30 ETF, SSIAM VN30 ETF, MAFM VN30 ETF, và KIM Growth VN30 ETF sử dụng chỉ số VN30 làm cơ sở. Theo đó, tỷ trọng cổ phiếu trong giỏ chỉ số VN30 thay đổi sẽ tác động đáng kể đến hoạt động giao dịch của 4 quỹ ETF này.

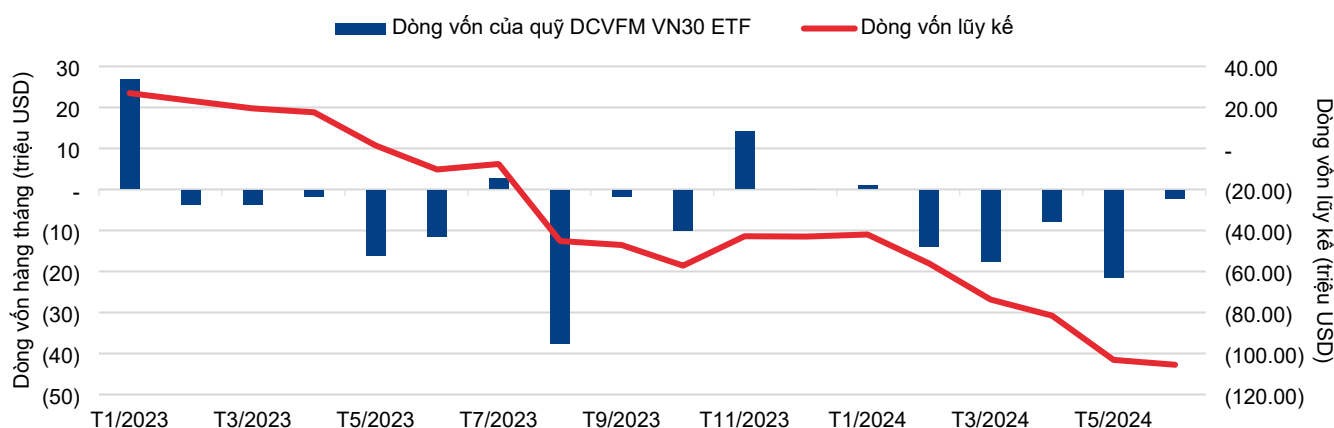
Hoạt động tái cơ cấu danh mục của các quỹ ETF này sẽ diễn ra vào ngày 2/8/2024. Tổng giá trị tài sản quản lý hiện tại của quỹ DCVFMVN30 ETF, SSIAM VN30 ETF và MAFM VN30 ETF lần lượt là 7,4 nghìn tỷ đồng (297,5 triệu USD), 150 tỷ đồng (6 triệu USD), 380 tỷ đồng (15,3 triệu USD) và 1,3 nghìn tỷ đồng (52,1 triệu USD).

HSC ước tính 4 quỹ ETF sẽ cần mua vào khoảng 1,7 triệu cổ phiếu TCB, 1,6 triệu cổ phiếu VPB, 1,5 triệu cổ phiếu SSB, 1,4 triệu cổ phiếu SHB và 1,3 triệu cổ phiếu HPG, đồng thời bán ra một lượng đáng kể các cổ phiếu khác bao gồm 1,8 triệu cổ phiếu FPT và 0,3 triệu cổ phiếu MSN.

Lưu ý, biến động giá cổ phiếu và số lượng chứng chỉ quỹ từ nay đến khi kết thúc đợt cơ cấu danh mục có thể làm thay đổi tỷ trọng, cũng như khối lượng mua bán dự kiến của từng cổ phiếu.

Đợt review bán niên chỉ số VN30 tiếp theo sẽ diễn ra vào tháng 1/2025.

Biểu đồ 3: Dòng vốn hàng tháng của quỹ DCVFM VN30 ETF (triệu USD)



Nguồn: Bloomberg, HSC

Bảng 4: Danh sách các cổ phiếu thành phần mới của giỏ chỉ số VN30 trong 6 tháng cuối năm 2024

Không có cổ phiếu nào được thêm vào hoặc bị loại ra

Mã CK	Tên công ty	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	Tỷ lệ free-float	Tỷ lệ giới hạn vốn hóa (%)
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	4,466,657,912	90%	100.0%
BCM	Tổng Công ty Đầu tư & Phát triển Công nghiệp	1,035,000,000	4%	100.0%
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam	5,700,435,900	4%	100.0%
BVH	Tập đoàn Bảo Việt	742,322,764	10%	100.0%
CTG	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	5,369,991,748	15%	100.0%
FPT	CTCP FPT	1,460,464,206	85%	75.9%
GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam	2,296,739,847	5%	100.0%
GVR	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	4,000,000,000	4%	100.0%
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố HCM	2,892,550,610	75%	100.0%
HPG	CTCP Tập đoàn Hòa Phát	6,396,250,200	55%	100.0%
MBB	Ngân hàng TMCP Quân đội	5,287,084,052	55%	100.0%
MSN	CTCP Tập đoàn Masan	1,438,351,617	45%	100.0%
MWG	CTCP Đầu tư Thế giới Di động	1,462,244,177	80%	100.0%
PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	1,270,592,235	10%	100.0%
POW	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	2,341,871,600	25%	100.0%
SAB	Tổng CTCP Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn	1,282,562,372	11%	100.0%
SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	3,662,412,356	85%	100.0%
SSB	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	2,495,700,000	60%	100.0%
SSI	CTCP Chứng khoán SSI	1,509,138,669	70%	100.0%
STB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	1,885,215,716	100%	100.0%
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	7,045,021,622	65%	100.0%
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	2,201,635,009	50%	100.0%
VCB	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	5,589,091,262	11%	100.0%
VHM	CTCP Vinhomes	4,354,367,488	30%	100.0%
VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	2,536,807,534	45%	100.0%
VIC	Tập đoàn VinGroup	3,823,661,561	30%	100.0%
VJC	CTCP Hàng không Vietjet	541,611,334	55%	100.0%
VNM	CTCP Sữa Việt Nam	2,089,955,445	40%	100.0%
VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	7,933,923,601	60%	100.0%
VRE	CTCP Vincom Retail	2,272,318,410	40%	100.0%

Nguồn: HSX, HSC

Bảng 5: Ước tính số lượng cổ phiếu mua vào/bán ra của các quỹ DCVFMVN30, SSIAM VN30, MAFM VN30 & KIM Growth VN30 ETF

Mã CK	Tỷ trọng mới (%)	+/- cp của DCVFMVN30 ETF	+/- cp của SSIAM ETF	+/- cp của MAFMVN30 ETF	+/- cp của KIM Growth VN30 ETF	Ước tính số lượng cp mua/bán của 4 quỹ ETF
TCB	8.0%	1,266,187	26,863	48,396	371,337	1,712,784
VPB	6.9%	1,306,878	19,975	38,859	256,633	1,622,344
SSB	2.4%	1,351,701	24,378	54,993	142,811	1,573,883
SHB	2.9%	1,083,980	24,374	52,728	255,284	1,416,366
HPG	7.7%	1,086,840	15,593	27,755	213,268	1,343,456
ACB	7.4%	1,033,069	17,705	34,080	115,676	1,200,530
MBB	5.2%	872,890	19,558	26,729	51,157	970,334
POW	0.7%	710,297	21,235	46,756	132,987	911,276
HDB	4.1%	595,769	18,165	27,599	216,483	858,016
STB	4.3%	620,232	13,014	28,137	82,365	743,748
MWG	5.8%	464,009	4,926	(529)	117,747	586,153
VHM	3.8%	258,057	11,522	12,307	254,338	536,224
SSI	2.8%	476,505	10,486	21,233	3,700	511,924
TPB	1.5%	404,134	6,451	(892)	48,644	458,338
VIC	3.7%	327,195	11,679	14,100	95,120	448,094
CTG	2.0%	349,259	9,381	22,807	53,059	434,505
VIB	1.9%	286,589	10,711	12,988	93,015	403,302
VNM	4.3%	191,974	3,645	3,529	84,794	283,943
VRE	1.4%	270,784	12,096	(14,319)	9,018	277,579
VCB	4.1%	239,506	5,859	10,605	13,662	269,633
SAB	0.6%	154,763	6,885	(6,459)	(10,249)	144,941
VJC	2.4%	64,097	6,476	14,359	(2,526)	82,406
BID	0.8%	(4,468)	7,644	(6,827)	77,583	73,932
PLX	0.5%	76,794	5,299	13,559	(24,548)	71,105
BVH	0.3%	102,059	(873)	(3,068)	(75,485)	22,632
GAS	0.7%	2,173	3,876	9,426	(36,225)	(20,750)
GVR	0.5%	(69,032)	9,128	(2,565)	8,212	(54,257)
BCM	0.2%	(94,970)	(4,594)	(10,613)	(109,694)	(219,870)
MSN	3.7%	(237,027)	455	(4,504)	(104,473)	(345,549)
FPT	9.6%	(1,499,256)	(21,421)	(68,693)	(260,646)	(1,850,016)
100%						

Nguồn: HSX, HSC ước tính

Bảng 6: Thay đổi giá cổ phiếu thành phần trong giỏ chỉ số VN30 (%)

STT	Mã CK	Giá (đồng)	% thay đổi giá trong 3 tháng	% thay đổi giá trong 52 tuần	Giá cao nhất trong 52 tuần (đồng)	Giá thấp nhất trong 52 tuần (đồng)
1	ACB	23,950	6.19%	29.60%	24,906	17,724
2	BCM	67,200	18.31%	-14.85%	79,907	50,500
3	BID	46,550	-6.34%	13.54%	54,400	35,496
4	BVH	46,050	15.99%	-0.28%	47,600	37,978
5	CTG	32,100	-4.04%	20.77%	36,450	24,520
6	FPT	132,700	37.69%	96.79%	139,600	67,006
7	GAS	78,300	3.03%	-1.65%	91,663	73,500
8	GVR	38,500	29.19%	78.14%	38,500	16,603
9	HDB	24,400	8.10%	54.56%	24,400	15,464
10	HPG	28,450	9.81%	14.63%	29,600	20,727
11	MBB	23,050	0.68%	26.66%	24,949	16,633
12	MSN	74,500	11.36%	-7.68%	89,200	57,800
13	MWG	64,300	29.88%	34.50%	67,000	34,823
14	PLX	48,000	38.54%	23.94%	48,000	30,701
15	POW	15,200	36.32%	13.86%	15,300	10,450
16	SAB	55,800	4.90%	-23.01%	80,461	50,778
17	SHB	11,950	5.29%	2.93%	13,450	10,050
18	SSB	20,800	-6.94%	-28.52%	30,400	20,800
19	SSI	34,300	-1.86%	19.10%	39,150	25,750
20	STB	29,750	8.18%	6.25%	33,300	26,300
21	TCB	22,650	5.20%	46.43%	24,800	13,432
22	TPB	17,650	3.66%	-0.60%	19,460	15,373
23	VCB	87,500	-4.89%	-1.39%	97,400	80,300
24	VHM	38,000	-10.38%	-35.59%	63,000	37,450
25	VIB	21,300	-2.53%	10.60%	23,892	16,379
26	VIC	41,350	-12.02%	-21.83%	75,600	40,400
27	VJC	104,200	-1.61%	7.09%	118,800	95,500
28	VNM	66,200	2.00%	-3.45%	78,686	63,500
29	VPB	18,800	6.45%	1.57%	20,545	17,186
30	VRE	20,350	-9.56%	-28.97%	31,500	19,950

Nguồn: FiinPro, HSC

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
 Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
 76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
 T: (+84 28) 3823 3299
 F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
 T: (+84 24) 3933 4693
 F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn